TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2023/QĐST-HNGĐ	*Huyện P, ngày 15 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đức V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vả, xúc phạm nhau. Từ tháng 3/2022 cho đến nay anh V và chị A sống ly thân; không quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh V, chị A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh V và chị A.

2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A có người con chung là Trần Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 12/10/2020. Anh V, chị A thỏa thuận giao cháu Thư cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/10/2020 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Đức V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Đức V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Vân A (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Đức V còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Vân A mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007009 và Biên lai số 0007010 cùng ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh V, chị A đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Lộc Sơn, huyện P;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đinh Xuân Cầm